BIỂU PHÍ THẺ ĐA NĂNG | HI-COLLECTION

MB

Ngày cập nhật: 23/09/2026

	KHOẢN MỤC PHÍ	Thẻ phi vật lý	Thẻ vật lý	Ghi chú
I	**PHÍ PHÁT HÀNH**			
1	Thẻ đa năng Visa, JCB, Mastercard Hi-Green/Hi-LOL	Miễn phí	70.000VND	
2	Thẻ đa năng JCB Hi ShopeeFood	Miễn phí	70.000VND	
3	Thẻ đa năng VETC Drive Pass	Miễn phí	1. Phí in thẻ vật lý trên App: Miễn phí 2. Phí phát hành thẻ vật lý: 70.000VND	
4	Thẻ đa năng Mastercard Hi-Slaydy	Miễn phí	70.000VND	
5	Thẻ đa năng Mastercard Hi-Cashback	Miễn phí	70.000VND	
6	Thẻ đa năng Mastercard Hi-Ads	Miễn phí	70.000VND	
7	Thẻ đa năng JCB Be The Sky	SkyCloud: 50.000VND		
	Daybreak		70.000VND không gồm merchandise; 450.000VND bao gồm merchandise	
	Starlight		900.000VND bao gồm merchandise	
	Apeiron		1.800.000VND bao gồm merchandise	
8	Vòng tay thanh toán Visa Stellar		360.000VND	
9	Thẻ đa năng phát sáng (Thẻ LED)		200.000VND	
10	Thẻ đa năng kim loại (BST Lucky Charm, ACE, Cung hoàng đạo, Green Pink)		10.000.000VND	
II	**PHÍ PHÁT HÀNH LẠI THẺ /TRẢ THẺ**			
	Phí cấp lại PIN tại quầy - PIN Giấy	20.000 VND / lần, áp dụng chung với các loại thẻ		
	Phí cấp lại PIN trên app	Miễn phí		
	Phí trả thẻ tại nhà	30.000 VND / lần, áp dụng chung với các loại thẻ		
III	**PHÍ THƯỜNG NIÊN**			
1	Thẻ đa năng Visa, JCB, Mastercard (Bao gồm các BST thẻ đa năng PVC, LED, Kim loại, Vòng tay Stellar)	1. Thẻ không hạn mức: Miễn phí năm đầu; Từ năm thứ 2: 90.000 VNĐ/năm 2. Thẻ có hạn mức: Miễn phí năm đầu; Từ năm thứ 2: 199.000 VNĐ/ năm & miễn phí khi thẻ chi tiêu từ 20 triệu đồng trong năm liền trước.		**Thời gian áp dụng:** **1. Đối với thẻ không có hạn mức:** từ ngày 06/02/2026 cho tất cả thẻ kích hoạt trước & sau thời điểm áp dụng **2. Đối với thẻ có hạn mức:** từ ngày 15/10/2025 (xét theo thời gian kích hoạt thẻ)
2	Thẻ đa năng JCB Hi ShopeeFood			
3	Thẻ đa năng VETC Drive Pass	1. Năm đầu tiên: Miễn phí 2. Các năm tiếp theo: 450,000 VNĐ. Miễn phí khi DSCT đạt 80 triệu VNĐ/năm liền kề trước đó (không bao gồm GD ATM, GD rủi ro/gian lận, GD hoàn/hủy và không áp dụng với thẻ có phát sinh nợ xấu, nợ liên đới tại thời điểm xét hoàn phí)		
4	Thẻ đa năng Mastercard Hi-Slaydy	1. Thẻ không hạn mức: 120.000 VND/năm 2. Thẻ có hạn mức: 299.000 VND/năm; - Đối với các thẻ kích hoạt trước 20/01/2025: Miễn phí thường niên 3 năm đầu; Từ năm thứ 4, miễn phí khi tổng chi tiêu năm liền trước đạt từ 100 triệu đồng - Đối với thẻ kích hoạt từ 20/01/2025: Miễn phí thường niên năm đầu; Từ năm thứ 2, miễn phí khi tổng chi tiêu năm liền trước đạt từ 100 triệu đồng		
5	Thẻ đa năng Mastercard Hi-Cashback	Miễn phí		
6	Thẻ đa năng Mastercard Hi-Ads	200.000 VND/ năm		
7	Thẻ đa năng JCB Be The Sky			
	Sky Cloud	Miễn phí		
	Daybreak		Miễn phí năm đầu, từ năm thứ 2: 60.000VND	Áp dụng với các thẻ kích hoạt từ ngày 11/09/2024
	Starlight		Miễn phí năm đầu, từ năm thứ 2: 100.000VND	
	Apeiron		Miễn phí năm đầu, từ năm thứ 2: 150.000VND	
IV	**PHÍ GIAO DỊCH**	**Áp dụng chung với các loại thẻ tín dụng**		
1	**Giao dịch qua POS của MB**			
	Giao dịch thanh toán mua hàng hoá, dịch vụ	Miễn phí		
	Giao dịch ứng tiền mặt bằng hạn mức tín dụng - chưa bao gồm VAT	3% * Số tiền giao dịch, tối thiểu 50.000 VND		
	Phí in sao kê 5 giao dịch gần nhất	Miễn phí		
	Phí đổi PIN	Miễn phí		
2	**Giao dịch ứng tiền mặt qua POS của ngân hàng khác**	4% * Số tiền giao dịch + Phí NH thanh toán thu (nếu có), tối thiểu 50.000 VND		
3	**Giao dịch trên ATM của MB**			
	Phí rút tiền mặt	1.000 VNĐ/lần		
	Phí truy vấn số dư	Miễn phí		
	Phí in sao kê giao dịch	Miễn phí		
	Phí đổi PIN	Miễn phí		
4	**Giao dịch qua ATM của NH khác**			
	Phí rút tiền mặt trong nước- chưa bao gồm VAT	6.000 VNĐ/lần		
	Phí rút tiền mặt nước ngoài - chưa bao gồm VAT	4% * Số tiền giao dịch + Phí NH thanh toán thu (nếu có), tối thiểu 100.000 VND		
	In số dư khả dụng (OTB)	Theo biểu phí của Ngân hàng thanh toán. MB không thu.		
	Phí in sao kê giao dịch			
	Phí đổi PIN			
5	**Phí thay đổi hạng thẻ**	Không áp dụng với thẻ đa năng		
6	**Phí gia hạn thẻ (không thu VAT)**	Miễn phí		
7	**Phí ngừng sử dụng thẻ theo yêu cầu của KH**			
	Đối với thẻ Mastercard Hi Cashback/các thẻ phi vật lý từ hệ thống (thẻ tặng khi onboard app, Tài khoản cham – PhonePay, ...)	Miễn phí		
	Đối với các sản phẩm thẻ còn lại	Từ ngày 08/05/2026, áp dụng mức phí mới như sau: - Thẻ có hạn mức: Đóng thẻ trong vòng 12 tháng kể từ ngày kích hoạt: 200.000 VND/thẻ; Các trường hợp khác: 100.000 VND/thẻ - Thẻ không hạn mức: 100.000 VND/thẻ		Áp dụng mức phí cũ đến hết ngày 07/05/2026 (Miễn phí với thẻ phi vật lý hoặc thẻ vật lý kích hoạt từ 12 tháng trở lên; thu 100.000 VND/thẻ với thẻ vật lý kích hoạt dưới 12 tháng)
8	**Phạt chậm thanh toán (không thu VAT)**	6% * Số tiền tối thiểu chưa thanh toán, tối thiểu 200.000 VND		
9	**Phí điều chỉnh hạn mức tín dụng**			Kênh quầy: Từ 18/07/2025 Kênh App: Từ 01/08/2025
	Trường hợp nâng/ hạ hạn mức theo chính sách MB thực hiện	Miễn phí		
	Trường hợp nâng/ hạ hạn mức theo yêu cầu của Khách hàng	Miễn phí lần đầu. Áp dụng từ lần thứ 2: 70.000 VND/ lần		
10	**Phí thay đổi hạn mức giao dịch**	Miễn phí		
11	**Phí thay đổi hình thức đảm bảo sử dụng thẻ (không thu VAT)**	100.000 VND/lần		
12	**Phí cập nhật lên danh sách thẻ cấm lưu hành của tổ chức thẻ quốc tế**			
	Thẻ tín dụng VISA	200.000 VND/lần		
	Thẻ tín dụng JCB	900.000 VND/lần		
	Thẻ tín dụng MASTERCARD	200.000 VND/lần		
13	**Phí tra soát (Áp dụng khi chủ thẻ khiếu nại không đúng)**			
	Giao dịch rút tiền ATM	Miễn phí		
	Giao dịch khác	Miễn phí, chỉ áp dụng với giao dịch từ 700.000VND. Không áp dụng tra soát với giao dịch nhỏ hơn 700.000 VND hoặc giao dịch được byPass OTP		Từ 06/06/2025
14	**Phí cấp lại bản sao sao kê**	50.000 VND/bản		
15	**Phí yêu cầu xác nhận thông tin chủ thẻ hoặc các yêu cầu phát sinh khác**	100.000 VND/lần		
16	**Phí chuyển đổi ngoại tệ (Khi thanh toán, rút tiền mặt bằng ngoại tệ)**			
	Thẻ đa năng Visa, JCB, Mastercard Hi-Green/Hi-LOL	2.0% * Số tiền giao dịch		
	Thẻ đa năng JCB Hi ShopeeFood	2.0% * Số tiền giao dịch		
	Thẻ đa năng VETC Drive Pass	2.0% * Số tiền giao dịch		
	Thẻ đa năng Mastercard Hi-Cashback	2.0% * Số tiền giao dịch		
	Thẻ đa năng Mastercard Hi-Slaydy	2.0% * Số tiền giao dịch		
	Thẻ đa năng Mastercard Hi-Ads	0.5% * Số tiền giao dịch		
	Thẻ đa năng JCB Be The Sky: SkyCloud/ Daybreak/ Starlight/ Apeiron	2.0% * Số tiền giao dịch		
17	**Phí xử lý giao dịch nước ngoài (bao gồm giao dịch hoàn trả hàng hóa)**			
	Thẻ đa năng Visa, JCB, Mastercard Hi-Green/Hi-LOL	1% * Số tiền giao dịch		Từ 09/10/2026, áp dụng mức thu tối thiểu xét theo giá trị giao dịch, cụ thể: - Giao dịch dưới 150,000 VND: tối thiểu 5,000 VND/giao dịch - Giao dịch từ 150,000 VND trở lên: tối thiểu 10,000 VND/giao dịch
	Thẻ đa năng JCB Hi ShopeeFood	1% * Số tiền giao dịch		
	Thẻ đa năng VETC Drive Pass	1% * Số tiền giao dịch		
	Thẻ đa năng Mastercard Hi-Cashback	1% * Số tiền giao dịch		
	Thẻ đa năng Mastercard Hi-Slaydy	1% * Số tiền giao dịch		
	Thẻ đa năng Mastercard Hi-Ads	1% * Số tiền giao dịch		
	Thẻ đa năng JCB Be The Sky: SkyCloud/ Daybreak/ Starlight/ Apeiron	1% * Số tiền giao dịch		
18	**Phí cung cấp bản sao hóa đơn, áp dụng chung với các loại thẻ tín dụng**	80.000 VND/hóa đơn		
	Tại Đơn vị chấp nhận thẻ của MB			
	Tại Đơn vị chấp nhận thẻ của NH khác			
19	**Phí giao dịch trên hạn mức dự phòng (nếu có)**			
20	**Phí duy trì hạn mức với thẻ không hoạt động trong h ơn 12 tháng**			
21	**Phí dịch vụ thanh toán giao dịch quảng cáo**	200.000 VND/thẻ		
22	**Phí giao dịch đặc biệt (nếu có)**			Từ 06/2025
	Tổng giao dịch đặc biệt trong kỳ dưới 10 triệu đồng	100.000 VND/kỳ		
	Tổng giao dịch đặc biệt trong kỳ từ 10 đến dưới 50 triệu đồng	300.000 VND/kỳ		
	Tổng giao dịch đặc biệt trong kỳ từ 50 triệu đồng	500.000 VND/kỳ		

V	TRẢ GÓP	Áp dụng chung với các loại thẻ tín dụng	Áp dụng Khi KH thanh toán bằng nguồn tín dụng
1	**Trả góp giao dịch**		
1.1	Trả góp tại Đơn vị liên kết		
	- Phí Trả góp thu KH	Miễn phí/ Theo thỏa thuận với Đơn vị liên kết	
	- Phí hỗ trợ trả góp thu ĐVLK	Theo thỏa thuận với Đơn vị liên kết	
	- Phí tất toán trước hạn (thu KH) (không thu VAT)	2% * giá trị giao dịch đăng ký trả góp	Phí tối thiểu: 100.000 VND
1.2	Trả góp trên App MBBank/tổng đài MB247		
1.2.1	Trường hợp chọn Trả góp phí thu đầu kỳ		
	- Phí trả góp	Theo kỳ hạn trả góp (0.8%/tháng * giá trị giao dịch đăng ký trả góp*kỳ hạn)	Thu 01 lần duy nhất tại thời điểm đăng ký trả góp thành công
	- Phí hủy giao dịch trả góp/tất toán trước sao kê (không thu VAT)	Miễn phí	Phí trả góp đã thu sẽ không được hoàn lại
	- Phí tất toán trước hạn (thu KH)/tất toán sau sao kê (không thu VAT)	Miễn phí	
1.2.2	Trường hợp chọn Trả góp phí thu hàng kỳ		
	- Phí trả góp	Theo kỳ hạn trả góp (1.2%/tháng * giá trị giao dịch đăng ký trả góp)	Thu hàng tháng cùng dư nợ gốc
	- Phí hủy giao dịch trả góp/Phí tất toán trước hạn trước sao kê (thu KH) (không thu VAT)	Miễn phí	Phí trả góp đã thu sẽ không được hoàn lại
	- Phí tất toán trước hạn sau sao kê (thu KH) (không thu VAT)	2% * giá trị giao dịch đăng ký trả góp	Phí tối thiểu: 100.000 VND Phí trả góp đã thu sẽ không được hoàn lại
2	**Trả góp dư nợ**		Áp dụng từ 01/03/2026
2.1	Trường hợp chọn Trả góp phí thu đầu kỳ		
	- Phí trả góp	Theo kỳ hạn trả góp	Thu 01 lần duy nhất tại thời điểm đăng ký trả góp thành công
	+ Kỳ hạn 3-24 tháng	0.8%/tháng * giá trị giao dịch đăng ký trả góp * kỳ hạn	
	+ Kỳ hạn 36 tháng	0.55%/tháng * giá trị giao dịch đăng ký trả góp * kỳ hạn	
	+ Kỳ hạn 48 tháng	0.50%/tháng * giá trị giao dịch đăng ký trả góp * kỳ hạn	
	+ Kỳ hạn 60 tháng	0.45%/tháng * giá trị giao dịch đăng ký trả góp * kỳ hạn	
	- Phí hủy giao dịch trả góp/tất toán trước sao kê (không thu VAT)	Miễn phí	Phí trả góp đã thu sẽ không được hoàn lại
	- Phí tất toán trước hạn (thu KH)/tất toán sau sao kê (không thu VAT)	Miễn phí	
2.2	Trường hợp chọn Trả góp phí thu hàng kỳ		
	- Phí trả góp	Theo kỳ hạn trả góp	Thu hàng tháng cùng dư nợ gốc
	+ Kỳ hạn 3-12 tháng	1.2%/tháng * giá trị giao dịch đăng ký trả góp	
	+ Kỳ hạn 24 tháng	1.1%/tháng * giá trị giao dịch đăng ký trả góp	
	+ Kỳ hạn 36 tháng	0.65%/tháng * giá trị giao dịch đăng ký trả góp	
	+ Kỳ hạn 48-60 tháng	0.55%/tháng * giá trị giao dịch đăng ký trả góp	
	- Phí hủy giao dịch trả góp/Phí tất toán trước hạn trước sao kê (thu KH) (không thu VAT)	2.5% * giá trị giao dịch đăng ký trả góp	Phí tối thiểu: 200.000 VND Phí trả góp đã thu sẽ không được hoàn lại
	- Phí tất toán trước hạn sau sao kê (thu KH) (không thu VAT)	2% * giá trị giao dịch đăng ký trả góp	Phí tối thiểu: 200.000 VND Phí trả góp đã thu sẽ không được hoàn lại
3	**Trường hợp Trả góp theo Chương trình ưu đãi Hợp đồng Bảo hiểm (HĐBH) MBLife**		
3.1	Với hợp đồng đóng phí năm 1		
	- Phí trả góp	Miễn phí; Áp dụng với kênh thanh toán trên "Cổng bảo hiểm MB" và khách hàng tick chọn Trả góp (tại Chợ ứng dụng trên App MBBank); Không áp dụng miễn phí với các kênh thanh toán khác. Trường hợp Khách hàng thực hiện thanh toán HĐBH MBLife tại các kênh khác và chuyển đổi trả góp, mức phí áp dụng theo mục V.1.2	
	- Phí hủy giao dịch trả góp/Phí tất toán trước hạn trước sao kê (thu KH) (không thu VAT)	Miễn phí	
	- Phí tất toán trước hạn sau sao kê (thu KH) (không thu VAT)	2% * giá trị giao dịch đăng ký trả góp	Phí tối thiểu: 100.000 VND Áp dụng từ ngày 10/12/2025
3.2	Với hợp đồng đóng phí năm 2		Áp dụng từ ngày 15/04/2026 đến 31/12/2026 hoặc đến khi có thông báo thay thế
	- Phí trả góp	Miễn phí; Khách hàng đăng ký với CV Tư vấn MBLife và thanh toán theo các kênh MBLife cung cấp. Trường hợp Khách hàng tự thực hiện chuyển đổi trả góp trên App, mức phí áp dụng theo mục V.1.2	
	- Phí hủy giao dịch trả góp/Phí tất toán trước hạn trước sao kê (thu KH) (không thu VAT)	Miễn phí	
	- Phí tất toán trước hạn sau sao kê (thu KH) (không thu VAT)	2% * giá trị giao dịch đăng ký trả góp	Phí tối thiểu: 100.000 VND
3.3	Với hợp đồng đóng phí năm 3 trở lên		
	- Phí trả góp	Khách hàng thực hiện đăng ký trên App MBBank/tổng đài MB247, mức phí áp dụng theo mục V.1.2	
	- Phí hủy giao dịch trả góp/tất toán trước sao kê (không thu VAT)		
	- Phí tất toán trước hạn (thu KH)/tất toán sau sao kê (không thu VAT)		
VI	**LÃI SUẤT THẺ TÍN DỤNG**		
1	Thẻ đa năng Visa, JCB, Mastercard Hi-Green/Hi-LOL	34.5%/năm	Lãi suất hiện tại: 30%/năm; Từ ngày 07/10/2026, áp dụng lãi suất mới 34.5%/năm đến khi có thông báo mới.
2	Thẻ đa năng JCB Hi ShopeeFood		
3	Thẻ đa năng VETC Drive Pass		
4	Thẻ đa năng JCB Be The Sky: SkyCloud/ Daybreak/ Starlight/ Apeiron		
5	Thẻ đa năng Mastercard Hi-Cashback		
6	Thẻ đa năng Mastercard Hi-Slaydy		
7	Thẻ đa năng Mastercard Hi-Ads		
VII	**LƯU Ý KHÁC**		

- Biểu phí và lãi suất được cập nhật theo quy định MB từng thời kỳ, công bố trên website mbbank.com.vn/fee hoặc mục "Tài liệu, biểu mẫu" → "Khách hàng cá nhân"

- Chu kỳ ghi nhận Phí thường niên được xác định từ ngày phát hành thẻ.

- Biểu phí trên chưa bao gồm VAT

- Từ 10/04/2026, MB áp dụng nguyên tắc làm tròn số tiền phí thẻ (chưa VAT) đến hàng chục, cụ thể như sau:

•Nếu phần đơn vị ≥ 05 thì làm tròn hàng chục lên 10

•Nếu phần đơn vị < 05 thì làm tròn hàng chục xuống 00